



TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – TKV  
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU  
THÁI NGUYÊN – VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 835 /BC - TMC

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 3 năm 2026

## BÁO CÁO Thường niên năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN – VIMICO
- Tên viết tắt: TMC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 460010003 (Đăng ký lần đầu ngày 10/5/2025, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22/9/2025).
- Vốn điều lệ: 180.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 180.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 89, Phú Xá 3, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 0208.3847229
- Website: kimloaimau.com.vn
- Mã cổ phiếu: TMG
- Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico tiền thân là Xí nghiệp Liên hợp Luyện kim màu Bắc Thái trực thuộc Bộ Cơ khí Luyện kim được thành lập theo Quyết định số 349-CL ngày 25/9/1979 của Thủ Tướng Chính Phủ. Ngày 12/11/2004 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã ký Quyết định số 130/QĐ-BCN về việc chuyển Công ty thành Công ty TNHH NN MTV Kim loại màu Thái Nguyên.

Thực hiện Quyết định số 525/QĐ-VINACOMIN ngày 03/4/2013 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc cổ phần hóa Công ty và Quyết định số 212/QĐ-TKV ngày 21/02/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Kim loại màu Thái Nguyên thành



Công ty Cổ phần. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/7/2014.

- Các sự kiện khác: Năm 2025 Công ty đã thực hiện phương án rà soát tổ chức của Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường tổ chức vào ngày 28/8/2025. Theo đó Công ty đã thực hiện chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp Thiếc Đại Từ- chi nhánh của Công ty; Đổi tên gọi Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích thành Chi nhánh mỏ tuyển Làng Hích.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

### *2.1. Một số sản phẩm chính của Công ty sản xuất*

- Tinh quặng kẽm hàm lượng ~ 50%;
- Tinh quặng chì sunfua hàm lượng ~ 50% ;
- Kẽm thỏi hàm lượng > 99,95% Zn;
- Axit sunfuaric hàm lượng > 96%;
- Bột kẽm 60% Zn;
- Thiếc thỏi;
- Tinh quặng đồng.

### *2.2. Địa bàn kinh doanh*

Địa bàn sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung tại tỉnh Thái Nguyên (trước đây là tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn), trong đó: Hoạt động khai thác, chế biến tinh quặng tập trung tại các xã Yên Thượng, xã Nam Cường, xã Quang Sơn, xã Đại Phúc, xã La Hiên của tỉnh Thái Nguyên; hoạt động chế biến kim loại tập trung tại khu công nghiệp Sông Công, phường Bách Quang, tỉnh Thái Nguyên. Công ty có quan hệ kinh doanh hợp tác với các khách hàng trên phạm vi cả nước.

## **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

### *3.1. Mô hình quản trị*

Mô hình quản trị của Công ty thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp cụ thể:

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

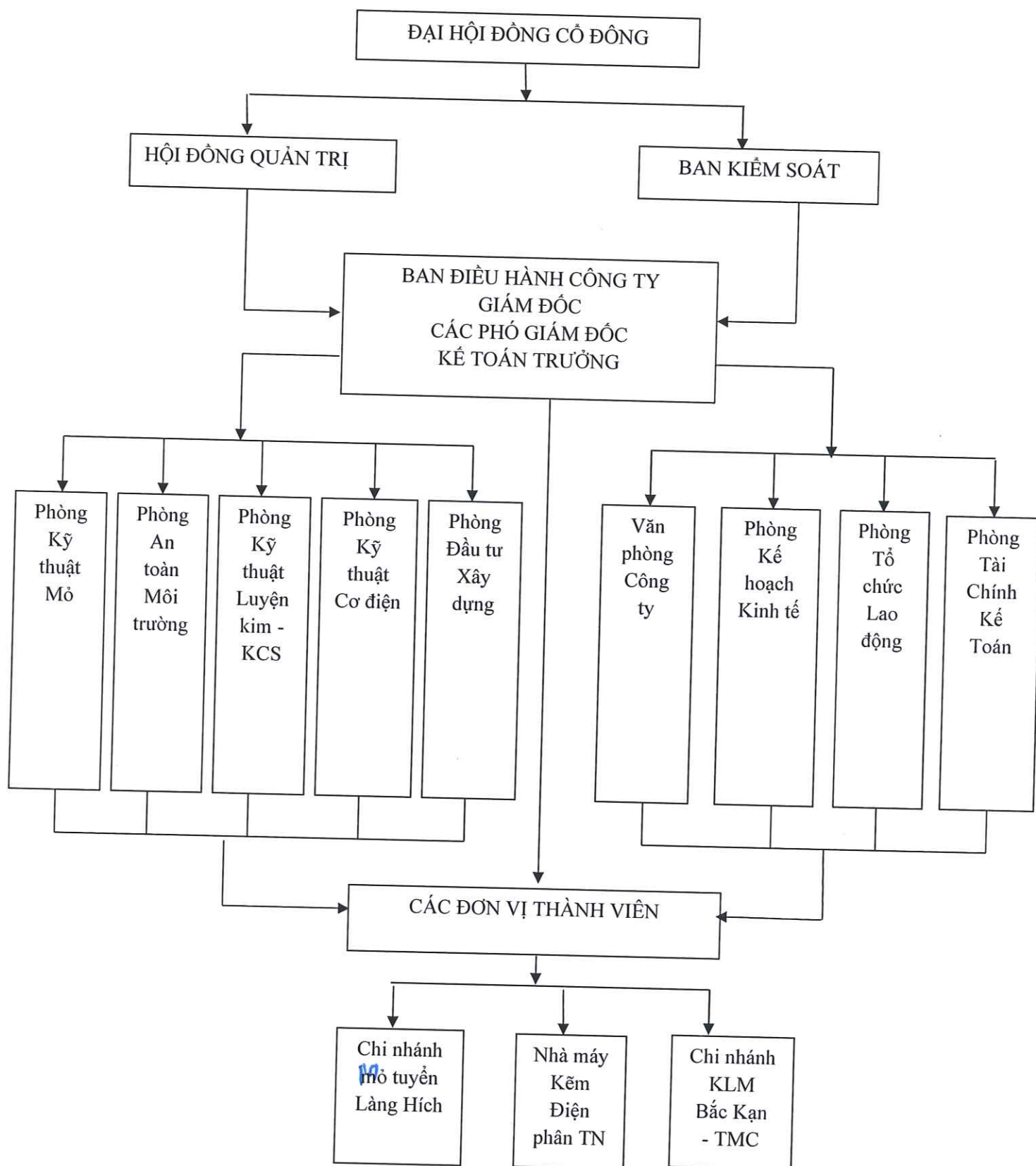


- Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Ban Giám đốc Công ty gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.
- Các phòng chức năng Công ty gồm 09 phòng (sơ đồ trang tiếp theo)





## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



### 3.2. Tổ chức kinh doanh

Công ty tổ chức sản xuất theo cơ chế khoán quản trị chi phí và theo kế hoạch SXKD Công ty giao hàng tháng/quý đến tất cả các chi nhánh, đơn vị. Tất cả các sản phẩm sản xuất được tiêu thụ tập trung tại Công ty.

### 3.3. Cơ cấu bộ máy quản lý

- Hội đồng quản trị gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT, Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm.

- Ban kiểm soát gồm 01 Trưởng ban kiểm soát và 04 kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của BKS là 5 năm.

- Giám đốc Công ty: Là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, điều hành kế hoạch giao khoán, kế hoạch phối hợp và kinh doanh của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm.

- Phó Giám đốc Công ty: Giúp việc cho Giám đốc Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- Kế toán trưởng Công ty: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty; giúp Giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng theo quy định tại Luật Kế toán, quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Bộ máy giúp việc gồm: Văn phòng và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty cũng như thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty:

+ Văn phòng Công ty: Có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý văn phòng; quản trị hành chính; bảo vệ quân sự, công tác văn hóa xã hội, công tác cộng đồng, văn nghệ thể thao, công tác đoàn thể.

+ Phòng Tổ chức Lao động: Có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác tổ chức bộ máy quản lý; công tác cán bộ, lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng, y tế và công tác thanh tra pháp chế.





+ Phòng Tài chính Kế toán: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý hệ thống tài chính, kế toán, thống kê toàn Công ty.

+ Phòng Kế hoạch Kinh tế: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác xây dựng, quản lý kế hoạch sản xuất và giá thành sản phẩm toàn Công ty; công tác kinh doanh bán hàng, cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và vận tải hàng hóa.

+ Phòng Đầu tư Xây dựng: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng công trình, và quản lý đất đai toàn Công ty.

+ Phòng Kỹ thuật Mỏ: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác quản lý công nghệ khai thác mỏ, trắc địa mỏ, địa chất thăm dò, địa chất mỏ, công tác tuyển khoáng, quy hoạch khoáng sản, phát triển tài nguyên.

+ Phòng Kỹ thuật Luyện kim - KCS: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc quản lý về công nghệ, kỹ thuật luyện kim, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

+ Phòng Kỹ thuật Cơ điện: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc thực hiện quản lý về công tác cơ điện của Công ty.

+ Phòng An toàn - Môi trường: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác quản lý an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

### *3.4. Các chi nhánh, Công ty liên doanh*

#### *a) Các Chi nhánh*

- Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên: Khu công nghiệp Sông Công, phường Bách Quang, tỉnh Thái Nguyên.

- Chi nhánh mỏ tuyển Làng Hích: Xã Quang Sơn, tỉnh Thái Nguyên.

- Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn - TMC: Xã Yên Thịnh, tỉnh Bắc Kạn.

b) Công ty liên doanh: Công ty liên doanh công nghiệp kẽm Việt Thái: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico sở hữu 40% vốn góp.

## **4. Định hướng phát triển của Công ty**

### *4.1. Mục tiêu phát triển*

- Phát triển công nghệ khai thác chế biến khoáng sản tiên tiến đồng bộ, phù hợp với điều kiện sản xuất của Công ty. Nâng cao năng lực sản xuất, năng



xuất, chất lượng, giá trị gia tăng thực hiện các quy định về môi trường và an toàn trong sản xuất và lao động.

- Tập trung đầu tư phát triển ngành khai thác khoáng sản và chế biến khoáng sản (tuyển khoáng, luyện kim); trọng tâm là sản phẩm kẽm thỏi, thiếc, tinh quặng chì.

- Phát triển bền vững công nghiệp khai thác khoáng sản - luyện kim theo hướng hiện đại, thu hồi tối đa tài nguyên, thân thiện với môi trường, hài hòa với địa phương và cộng đồng, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Phấn đấu trở thành nhà sản xuất, cung ứng giữ vai trò quan trọng trong việc sản xuất và kinh doanh sản phẩm kẽm thỏi kim loại.

#### 4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu phát triển. Công ty xác định các biện pháp cụ thể:

- a) Tập trung phát triển tài nguyên và nguồn nguyên liệu là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Tập trung khảo sát mở rộng các điểm mỏ do Công ty quản lý, thăm dò khoáng sản chuẩn bị đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất tại các đơn vị trong Công ty. Lập đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong ranh giới Giấy phép và đề án thăm dò phần sâu nhằm bổ sung tài nguyên trữ lượng tại các mỏ của Công ty đang quản lý.

- b) Tập trung tăng cường áp dụng cơ giới hoá trong sản xuất đặc biệt là trong khu vực khai thác hầm lò, nâng cao chất lượng, hàm lượng quặng nguyên khai, giảm lao động thủ công, tăng năng suất lao động để nâng cao thu nhập cho người lao động.

- c) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, rà soát đổi mới cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng lao động tại các đơn vị tăng lao động công nghệ, giảm lao động phụ trợ và quản lý. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV và người lao động, cải thiện điều kiện về môi trường làm việc, quan hệ cộng đồng, gia đình xã hội. Có chính sách đãi ngộ đặc thù đối với nguồn nhân lực chất lượng cao đặc biệt là đối tượng lao động trong các lĩnh vực khai thác hầm lò, luyện kim chế biến sâu, lao động có nguyện vọng gắn bó lâu dài với đơn vị.

- d) Nâng cao chất lượng sản phẩm kẽm thỏi đạt tiêu chuẩn quốc tế.

#### 4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững

Công ty chấp hành và tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà nước và địa phương trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện công tác an sinh xã hội tại địa phương, đồng thời tạo điều kiện để con em địa phương được làm việc tại các đơn vị trong Công ty.





## 5. Các rủi ro

Do là đơn vị đặc thù nên Công ty xác định những vấn đề rủi ro chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

*Thứ nhất* là rủi ro về kinh tế, những sản phẩm chính của Công ty được tham chiếu theo giá giao dịch thị trường quốc tế sử dụng niêm yết theo giá đô la Mỹ (USD) nên biến động về tỷ giá đem lại những bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

*Thứ hai* là rủi ro về trữ lượng và chất lượng tài nguyên khoáng sản, do đây là ngành đặc thù, để có cơ sở đánh giá trữ lượng, chất lượng tài nguyên phải khoan thăm dò do vậy tốn nhiều chi phí, thời gian và điều kiện khai thác của mỏ. Việc đánh giá không chính xác về địa chất, trữ lượng khoáng sản có thể khai thác sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kế hoạch sản xuất kinh doanh của TMC cũng như hiệu quả kinh tế của Công ty.

*Thứ ba* rủi ro đặc thù khai thác, chế biến, trong quá trình khai thác, ngoài các sản phẩm thu được thì kèm theo đó là các chất thải, phế thải độc hại và do hoạt động trong điều kiện ngoài trời, doanh nghiệp còn phải chịu các rủi ro về thiên tai, lũ lụt; rủi ro xảy ra tai nạn lao động, rủi ro gây ô nhiễm môi trường...

*Thứ tư* là rủi ro pháp lý, những thay đổi về chính sách khai thác, sử dụng khoáng sản, cách tính thuế cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

| TT         | Chỉ tiêu                    | ĐVT | NQ ĐHCĐ<br>2025 | Thực hiện<br>năm 2025 | So sánh<br>TH/NQ (%) |
|------------|-----------------------------|-----|-----------------|-----------------------|----------------------|
| <i>I</i>   | <i>Sản phẩm SX chủ yếu</i>  |     |                 |                       |                      |
| 1          | Kẽm thô                     | tấn | 11.800          | 12.050                | 102,12               |
| 2          | Axit sulfuric               | tấn | 19.000          | 18.050                | 95,00                |
| 3          | TQ chì sulfua 50%           | tấn | 3.474           | 3.597                 | 103,56               |
| 4          | TQ chì ô xít 20%            | tấn | 2.500           | 1.542                 | 61,66                |
| 5          | Thiếc thô                   | tấn | 73              | 44                    | 59,74                |
| 6          | Tinh quặng đồng             | tấn | 825             | 1.090                 | 132,19               |
| 7          | Tinh quặng bạc              | tấn | 370             | 377                   | 101,9                |
| <i>II</i>  | <i>Sản phẩm tiêu thụ</i>    |     |                 |                       |                      |
| 1          | Kẽm thô                     | tấn | 11.800          | 11.939                | 101,18               |
| 2          | Axit sulfuric               | tấn | 17.124          | 16.679                | 97,40                |
| 3          | TQ chì sulfua 50%           | tấn | 3.474           | 3.524                 | 101,46               |
| 4          | TQ chì ô xít 20%Pb          | tấn | 3.105           | 2.107                 | 67,85                |
| 5          | Thiếc thô                   | tấn | 75              | 45                    | 61,24                |
| 6          | Tinh quặng đồng             | tấn | 1.225           | 1.574                 | 128,54               |
| 7          | Tinh quặng bạc              | tấn | 300             | -                     | -                    |
| <i>III</i> | <i>Các chỉ tiêu chủ yếu</i> |     |                 |                       |                      |





| TT | Chỉ tiêu                     | ĐVT     | NQ ĐHĐCĐ<br>2025 | Thực hiện<br>năm 2025 | So sánh<br>TH/NQ (%) |
|----|------------------------------|---------|------------------|-----------------------|----------------------|
| 1  | Tổng doanh thu               | tr.đồng | 1.175.688        | 1.259.582             | 107,14               |
| 2  | Nộp ngân sách                | tr.đồng | 182.320          | 183.873               | 100,85               |
| 3  | Tổng lợi nhuận trước thuế    | tr.đồng | 85.116           | 95.670                | 112,40               |
| 4  | Tổng quỹ lương               | tr.đồng | 214.000          | 227.800               | 106,4                |
| 5  | LĐ trong kỳ                  | người   | 1.287            | 1.246                 | 96,8                 |
| 6  | Đầu tư xây dựng (điều chỉnh) | tr.đồng | 64.343           | 64.094                | 100                  |

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành

#### 2.1.1 Ông Trần Văn Long – Giám đốc Công ty

- Sinh năm : 1977

- Trình độ đào tạo: Kỹ sư khai thác mỏ; Cử nhân quản trị KD.

- Quá trình công tác: Tháng 8/1999 - 5/2000 là cán bộ kỹ thuật phòng kỹ thuật, xí nghiệp than Bình Minh, công ty than Quảng Ninh; Tháng 6/2000 - 3/2007 là chuyên viên phòng thiết kế mỏ Viện khoa học và công nghệ mỏ - Luyện kim; Tháng 4/2007 - 11/2010 là chuyên viên, Phó trưởng phòng kỹ thuật mỏ địa chất, TCT Khoáng sản - Vinacomin; Tháng 12/2010 - 10/2012 là ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản 3; Tháng 11/2012 - 7/2014, ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Đá quý và Vàng Hà Nội; Tháng 8/2014 - 10/2015 giữ chức vụ Phó Trưởng phòng kỹ thuật Mỏ địa chất, TCT Khoáng sản - TKV, ủy viên HĐQT CTCP Kim loại màu Nghệ Tĩnh, ủy viên HĐQT CTCP Vàng và đá quý Hà Nội; Tháng 11/2015 - 5/2016 giữ chức vụ Phó TP kỹ thuật Mỏ địa chất TCT Khoáng sản - TKV; Tháng 6/2016 - 6/2017 giữ chức vụ Giám đốc CTCP Kim loại màu Tuyên Quang; Tháng 7/2017 - 5/2018 giữ chức vụ Phó TP kỹ thuật Mỏ địa chất Tổng công ty Khoáng sản - TKV; Tháng 6/2018- 4/2019 giữ chức vụ Phó Giám đốc CTCP Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico; Tháng 5/2019 đến nay giữ chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần kim loại màu Thái Nguyên - Vimico; Từ tháng 6/2020 đến nay giữ chức vụ thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty.

- Sở hữu đại diện Tổng công ty Khoáng sản -TKV: 2.700.000 cổ phần

#### 2.1.2. Ông Bùi Huy Tuấn – Phó Giám đốc Công ty

- Sinh năm : 1975

- Trình độ đào tạo: Kỹ sư luyện kim

- Quá trình công tác: Tháng 12/2001 - 4/2006 là cán bộ kỹ thuật tại Phòng kỹ thuật luyện kim Công ty KLM Thái Nguyên. Tháng 5/2006 - 7/2008 là Trưởng phòng kỹ thuật tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên. Tháng 8/2008





- 11/2010 là Phó Trưởng phòng Kỹ thuật luyện kim của Công ty TNHH MTV kim loại màu Thái Nguyên. Tháng 12/2010 - 02/2013 là cán bộ kỹ thuật, Phó Trưởng phòng kỹ thuật luyện kim của Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin. Tháng 3/2013 - 11/2013 là Phó Giám đốc Công ty Luyện đồng Lào Cai. Từ tháng 12/2013 - 6/2014 là Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Kim loại màu Thái Nguyên. Từ tháng 7/2014 đến nay là Phó Giám đốc CTCP Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico.

- Sở hữu: 0 cổ phần

2.1.3. Ông Nguyễn Văn Hậu – Phó Giám đốc Công ty

- Sinh năm : 1977

- Trình độ đào tạo: Tiến sỹ khai thác mỏ

- Quá trình công tác: Tháng 9/1999 - 11/2001, cán bộ phòng Kỹ thuật công nghệ thuộc Công ty than Mông Dương. Tháng 11/2000 -11/2002 là Nghiên cứu viên phòng Xây dựng công trình ngầm và Mỏ thuộc Viện Khoa học Công nghệ Mỏ. Từ tháng 9/2005 - 8/2008, Học viên cao học Khai thác Mỏ tại Trường ĐH Mỏ Địa chất Hà Nội. Tháng 10/2008 -11/2011, Phó phòng Nghiên cứu Công nghệ khai thác hầm lò thuộc Viện Khoa học Công nghệ Mỏ. Từ tháng 11/2008 -10/2011 là Nghiên cứu sinh khai thác mỏ tại trường Đại học Kỹ thuật Liêu Ninh - Trung Quốc. Tháng 12/2011- 7/2019, Trưởng phòng Đào tạo và Phát triển các dự án thực nghiệm Viện Khoa học Công nghệ Mỏ. Tháng 7/2019 - 8/2019, Trưởng phòng Nghiên cứu xây dựng công trình ngầm và Mỏ thuộc Viện Khoa học Công nghệ mỏ. Tháng 9/2019 đến nay là Phó Giám đốc Công ty Kim loại màu Thái Nguyên.

- Sở hữu: 0 cổ phần

2.1.4. Ông Tạ Văn Bình – Phó Giám đốc Công ty

- Sinh năm: 1980

- Trình độ đào tạo: Kỹ sư máy và thiết bị mỏ

- Quá trình công tác: Tháng 11/2004 - 2/2006, Kỹ sư Phòng Kỹ thuật Cơ điện Công ty TNHH MTV Kim loại màu Thái Nguyên; Từ tháng 3/2006 - 11/2006: Cán bộ chuyên trách, Phó Bí thư đoàn TNCS Hồ Chí Minh Công ty TNHH MTV Kim loại màu Thái Nguyên; Từ tháng 12/2006- 05/2010: Kỹ sư, Phó phòng Kỹ thuật Cơ điện Công ty TNHH MTV Kim loại màu Thái Nguyên; Từ tháng 6/2010 - 01/2014, Phó giám đốc Xí nghiệp kẽm chì Chợ Điền; Từ tháng 2/2014 - 4/2016: Giám đốc Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích; Từ 5/2016 - 01/2018: Phó phòng Đầu tư Xây dựng Công ty; Từ 02/2018 - 5/2019: Trưởng phòng kỹ thuật Cơ điện Công ty; Từ tháng 6/2019 - 11/2023, Giám đốc Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn - TMC; Từ tháng 12/2023 -7/2025, Giám đốc Nhà





máy kẽm điện phân Thái Nguyên; Từ tháng 8/2025 đến nay giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty.

2.1.5. Bà Nguyễn Thị Xuân Hương – Kế toán trưởng Công ty

- Năm sinh: 1976

- Trình độ nghề nghiệp: Cử nhân kinh tế ngành kế toán doanh nghiệp

- Quá trình công tác: Tháng 7/2000 - 12/2002 là nhân viên Kế toán Công ty Khoáng sản Bắc Kạn; Tháng 01/2003 - 4/2009 là Phó phòng kế toán, Kế toán trưởng Công ty Khoáng sản Bắc Kạn; Tháng 5/2009 - 2/2010 là Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty Khoáng sản Bắc Kạn; Tháng 3/2010 - 12/2010 lao động tự do; Tháng 4/2011 - 12/2012 là Phó phòng Kế hoạch Kinh tế Công ty; Tháng 01/2013 - 8/2024 là Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty; Tháng 9/2024-đến nay là Kế toán trưởng Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên.

- Sở hữu: 0 cổ phần

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Có

- Tháng 8/2025: Ông Tạ Văn Bình – Giám đốc Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên, chi nhánh của Công ty được Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty với nhiệm kỳ là 05 năm.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

- Tổng số lao động: 1.234 người;

+ Lao động nam: 966 người;

+ Lao động nữ: 268 người.

- Loại hợp đồng lao động

+ HĐLĐ không xác định thời hạn: 1.066 người;

+ HĐLĐ từ 12 đến 36 tháng: 168 người;

+ HĐLĐ vụ việc: 0 người.

- Trình độ lao động:

+ Trên đại học: 13 người;

+ Đại học: 296 người;

+ Cao đẳng: 23 người;

+ Trung học: 263 người;

+ Công nhân kỹ thuật: 639 người;

(Số liệu tính đến thời điểm ngày 31/12/2025)



### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Kế hoạch ĐTXD năm 2025 được ĐHĐCĐ thường niên thông qua: 72,860 tỷ đồng

- Kế hoạch ĐTXD năm 2025 được ĐHĐCĐ bất thường điều chỉnh: 64,343 tỷ đồng

\* Giá trị thực hiện năm 2025 đạt 64.094 tr.đ đạt 100% giá trị kế hoạch 2025 điều chỉnh được ĐHĐCĐ Công ty thông qua ngày 28/8/2025. Trong năm Công ty đã thực hiện đầu tư các dự án, công trình có ý nghĩa lớn giúp hoàn thiện công nghệ sản xuất luyện kim, tận thu nguồn sản phẩm mới có giá trị, cải thiện điều kiện môi trường làm việc và đời sống cho người lao động. Cụ thể là: Dự án cải tạo môi trường Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên; Dự án đầu tư tuyển bạc trong bùn thủy luyện kẽm tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên; Đầu tư xây dựng nhà ở tập thể tại Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn; Đầu tư Hệ thống vận thăng chở người thuộc Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất mỏ chì kẽm Lang Hít, xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên;... Đồng thời, triển khai thực hiện các dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2025 tại các đơn vị, trong đó tập trung quan tâm đẩy mạnh thực hiện đầu tư các thiết bị cơ giới hóa trong hầm lò (như thiết bị cào vơ, tàu điện, xe loan chở người trong lò, máy khoan thủy lực trong lò,...).

### 4. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu   | Mã số | Năm 2025          | Năm 2024          |
|--|-------|-------------------|-------------------|
| 1  | 2     | 3                 | 4                 |
| 1. Tổng giá trị tài sản                            |       | 579 587 108 422   | 620 139 088 010   |
| 2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | 1 255 453 920     | 1 158 378 432 592 |
| 3. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |                   | 0                 |
| 4. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    | 1 255 453 920     | 1 158 378 432 592 |
| 5. Giá vốn hàng bán                                | 11    | 1 083 045 169 263 | 1 001 907 226 171 |
| 6. LN gộp về bán hàng và CCDV                      | 20    | 172 407 873 657   | 156 471 206 421   |
| 7. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | 1 838 691 001     | 515 794 628       |
| 8. Chi phí tài chính                               | 22    | 1 334 401 623     | 2 579 871 466     |
| - Trong đó chi phí lãi vay                         | 23    | 1 173 981 835     | 2 299 179 356     |
| 9. Chi phí bán hàng                                | 25    | 3 880 510 332     | 2 497 176 321     |
| 10. Chi phí quản lý Doanh nghiệp                   | 26    | 60 380 818 515    | 61 808 599 777    |





| <b>Chỉ tiêu</b>                           | <b>Mã số</b> | <b>Năm 2025</b>        | <b>Năm 2024</b>       |
|---|--------------|------------------------|-----------------------|
| 11. Lợi nhuận từ hoạt động SXKD           | 30           | <b>108 650 834 188</b> | <b>90 101 353 485</b> |
| 12. Thu nhập khác                         | 31           | 2 293 813 858          | 5 008 933 273         |
| 13. Chi phí khác                          | 32           | 3 267 538 323          | 5 629 411 203         |
| 14. Lợi nhuận khác (40=31-32)             | 40           | <b>- 973 724 465</b>   | <b>- 620 477 930</b>  |
| 15. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)  | 50           | <b>107 677 109 723</b> | <b>89 480 875 555</b> |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành           | 51           | 22 420 294 348         | 18 186 158 171        |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại            | 52           |                        |                       |
| 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 60           | 85 256 815 375         | 71 294 717 384        |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu*             | 70           | 4 721                  | 3.146                 |
| 20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu            | 71           | 0                      | <b>0</b>              |

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

| <b>Chỉ tiêu</b>  | <b>Thời điểm<br/>31/12/2024</b> | <b>Thời điểm<br/>31/12/2025</b> | <b>Ghi chú</b> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|----------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán                                   |                                 |                                 |                |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TS NH/Nợ NH)                           | 0,83                            | 0,87                            |                |
| + Hệ số thanh toán nhanh (= tài sản NH-Hàng tồn kho/nợ ngắn hạn)     | 0,49                            | 0,66                            |                |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn  |                                 |                                 |                |
| + Hệ số nợ/tổng tài sản  | 0,54                            | 0,55                            |                |
| + Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu   | 1,18                            | 1,21                            |                |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động                                    |                                 |                                 |                |
| + Vòng quay hàng tồn kho (= giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân) | 10,8                            | 13,48                           |                |
| + Vòng quay tổng tài sản (= doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân)  | 2,19                            | 2,09                            |                |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời                                     |                                 |                                 |                |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần                           | 0,06                            | 0,07                            |                |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu                            | 39,6                            | 36,6                            |                |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản                              | 12,3                            | 16,7                            |                |
| + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động SXKD/doanh                            | 0,08                            | 0,09                            |                |



| Chỉ tiêu  | Thời điểm<br>31/12/2024 | Thời điểm<br>31/12/2025 | Ghi chú |
|-----------|-------------------------|-------------------------|---------|
| thu thuận |                         |                         |         |

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a) Cổ phần

Tổng số cổ phần của Công ty được chia thành 18.000.000 cổ phần. Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tất cả các cổ phần đều là cổ phần phổ thông.

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

### b) Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông lớn của Công ty bao gồm:

|   |                      |
|---|----------------------|
| + Tổng công ty Khoáng sản - TKV         | : 9.180.000 cổ phần; |
| + Công ty cổ phần Lương Gia             | : 3.148.900 cổ phần. |
| + Công ty TNHH SX & TM Quốc tế Vũ Hoàng | : 1.933.900 cổ phần; |
| + Bà Hoàng Thị Soi                      | : 1.098.200 cổ phần; |
| + Ông Nguyễn Hoàng Cường                | : 1.965.600 cổ phần. |

- Tính đến thời điểm ngày 27/02/2026, cổ đông của Công ty có 192 cổ đông trong đó:

+ 03 cổ đông là pháp nhân trong nước

+ 189 cổ đông là cá nhân (gồm 186 cổ đông là cá nhân trong nước và 03 cổ đông là cá nhân, tổ chức nước ngoài).

- Cổ đông Nhà nước nắm giữ: 51% vốn điều lệ

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội của công ty

### 6.1. Tác động lên môi trường

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không

### 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Do đặc thù ngành nghề sản xuất kinh doanh của công ty là khai thác, chế biến khoáng sản để tạo ra các nguyên liệu cơ bản (kẽm, chì...) cho các ngành





sản xuất khác, quy trình sản xuất là khai thác quặng từ lòng đất để chế biến thành kim loại nên không xác định được lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất ra sản phẩm cũng như tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ.

### 6.3. Tiêu thụ năng lượng

#### a) Tiêu thụ năng lượng

- Điện năng cho sản xuất chính: 68.807.939 Kwh.

Trong đó

+ Điện năng phục vụ khai thác: 3.667.189 Kwh

+ Điện năng phục vụ tuyển khoáng: 9.499.472 Kwh

+ Điện năng phục vụ luyện kim: 54.338.857 Kwh

+ Điện năng phục vụ sinh hoạt: 1.302.421 Kwh

#### b) Dầu Diezen

+ Nhà máy Kẽm ĐPTN: 53.457 Lít

+ Chi nhánh mỏ tuyển Làng Hích: 146.563 Lít

+ Chi nhánh KLM Bắc Kạn: 284.646 Lít

### 6.4. Tiêu thụ nước

#### a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

\* Nước sinh hoạt:

- Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên: 9.474 m<sup>3</sup>/năm

- Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích: 5.000 m<sup>3</sup>/năm

- Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn: 8.000 m<sup>3</sup>/năm

#### b) Nước dùng cho sản xuất

- Nhà máy kẽm điện phân: 112.471 m<sup>3</sup>/năm

- Chi nhánh mỏ tuyển Làng Hích: 65.506 m<sup>3</sup>/năm

- Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn: 123.866 m<sup>3</sup>/năm

#### c) Nguồn cung cấp:

- Nước sinh hoạt: Sử dụng nguồn nước máy của Công ty cổ phần nước sạch Thái Nguyên. Đối với các đơn vị khai thác mỏ nước sinh hoạt lấy từ nguồn từ giếng khơi, giếng khoan, dẫn nước khe hoặc nguồn về.

- Nước phục vụ sản xuất: Nước tái sử dụng, nước dưới đất, nước mặt;

#### b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng



- NM kẽm điện phân Thái Nguyên: Thuê xử lý 100%;
- Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn: Tự xử lý 100%;
- Chi nhánh mỏ tuyển Làng Hách: Tự xử lý 100%;

#### 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty đã xác định trọng tâm là công tác an toàn lao động, môi trường và triển khai nhiều biện pháp cụ thể (tuyên truyền, kiểm tra, giám sát...).

Thường xuyên kiểm tra, phúc tra công tác ATLĐ môi trường tại các đơn vị trong công ty để kiểm soát các nguy cơ rủi ro.

#### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

##### a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Lao động sử dụng bình quân năm 2025: 1.246 người;
- Mức lương trung bình: 15,2 triệu đồng/ người/ tháng.

##### b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Ngoài việc thực hiện đầy đủ chính sách theo quy định của Nhà nước cho người lao động, Công ty có quy chế thăm hỏi động viên đối với CBCNV. Các chế độ bồi dưỡng cho người lao động được thực hiện đầy đủ như: chế độ ăn ca, bồi dưỡng độc hại cho người lao động. Thực hiện nghiêm chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, duy trì hoạt động mạng lưới ATVSV, tổ chức đào tạo định kỳ và hàng năm về an toàn, vệ sinh lao động cho các đối tượng. Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho CBCNV theo niên hạn.

Giải quyết kịp thời các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, tết, nghỉ phép, trợ cấp khó khăn, tổ chức cho người lao động được đi tham quan, nghỉ mát, điều dưỡng phục hồi chức năng. Tặng quà cho người lao động trong những dịp lễ, tết, tặng quà cho con CBCNV đạt thành tích cao trong học tập nhân dịp ngày tết thiếu nhi và tặng quà cho CBCNV có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Công ty chấp hành theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành của pháp luật.

##### c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty đã cử 222 lượt cán bộ công nhân viên, công nhân kỹ thuật tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ do TKV, Tổng công ty Khoáng sản TKV và cơ quan quản lý NN trên địa bàn tổ chức liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật những quy định của pháp luật để áp dụng trong việc điều hành giải quyết công việc. Phối hợp với các cơ sở đào tạo để tập huấn đào tạo nghề cấp chứng chỉ liên quan đến quá





trình hoạt động sản xuất của Công ty và các đơn vị. Năm 2025, tổng kinh phí đào tạo đạt 827.737.000 đồng.

#### 6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2025, Công ty thực hiện tốt và đóng góp trong công tác an sinh xã hội đối với tỉnh Thái Nguyên với tổng số tiền 2,508 tỷ đồng. Giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong cụm liên kết và địa bàn nơi các đơn vị của Công ty đặt trụ sở hoạt động...

6.8. Báo cáo liên quan đến thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

##### 1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(chi tiết tại mục 1 phần II của báo cáo này).

##### 1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trong năm Ban Giám đốc đã triển khai toàn diện các nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành về quản lý các lĩnh vực kế hoạch, cơ điện, đầu tư, quản lý vật tư, tài chính...Đánh giá về các mặt chủ yếu trong năm 2025 như sau:

- Công tác chỉ đạo sản xuất: Công tác điều hành chỉ đạo sản xuất đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu ĐHCĐ đề ra, mang lại hiệu quả kinh tế trong sản xuất tại Công ty.

- Công tác quản lý kỹ thuật cơ bản

- + Công tác Khai thác mỏ: Luôn được chú trọng, tập trung chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác khoan nổ mìn, làm giảm hệ số làm nghèo quặng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.....

- + Công tác Tuyển khoáng: Tích cực thực hiện các giải pháp hợp lý hóa thiết bị công nghệ tuyển nhằm xác định rõ độ mịn nghiền phù hợp, tối ưu cho quặng chì kẽm vào tuyển.

- + Công tác Luyện kim: Tập trung thực hiện triển khai các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dung dịch điện phân, giảm hàm lượng kẽm trong bã thải nâng cao chất lượng sản phẩm.

- + Công tác Cơ điện: Bám sát theo kế hoạch và định ngạch sửa chữa, đảm bảo chất lượng và tiến độ. Các thiết bị sau khi sửa chữa hoạt động ổn định.

- Công tác phát triển tài nguyên

- + Trong năm 2025 Công ty tiếp tục triển khai 03 đề án nâng cấp trữ lượng nộ về Bộ TNMT để phê duyệt theo quy định.



+ Công tác khoan phục vụ khai thác, phát huy tối đa năng lực thiết bị, con người làm rõ được tài nguyên để huy động vào sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

- Công tác kinh doanh vật tư: Đối với công tác quản lý vật tư đảm bảo tỷ lệ tồn kho ( $<6\%$ ) nhằm giảm chi phí tài chính, chi phí bảo quản... duy trì công tác mua sắm thông qua chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp của Nhà sản xuất, các đại lý cấp I. Công ty đã xây dựng quy trình mua bán vật tư áp dụng thống nhất trong toàn Công ty.

- Công tác tổ chức lao động: Tiếp tục tập trung sắp xếp đổi mới cơ cấu lao động theo các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của Tập đoàn và Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Thực hiện tốt chế độ quyền lợi cho người lao động. Hoàn thiện phương án trả lương và có cơ chế khuyến khích hợp lý cho người lao động như: Thực hiện phương án chi trả tiền lương gắn với hiệu quả công việc, ưu tiên tiền lương cho các vị trí quan trọng quyết định năng suất, hiệu quả.

- Công tác quản trị: Quản lý chi phí tại các đơn vị chặt chẽ, hàng tháng tổ chức kiểm tra nghiệm thu đánh giá kịp thời; Chất lượng vật tư được đảm bảo, cung ứng vật tư kịp thời và có dự phòng cho sản xuất.

## **2. Tình hình tài chính**

Tình hình tài chính của Công ty năm 2025 vẫn duy trì ổn định. Công ty được các Ngân hàng xếp loại tín nhiệm tài chính ở mức cao. Công tác lập và công khai BCTC bảo đảm chất lượng và đúng tiến độ, chất lượng hồ sơ thanh quyết toán được nâng cao.

Tổng tài sản và nguồn vốn được bảo toàn và phát triển. Đối với các khoản công nợ ngắn hạn, Công ty có kế hoạch huy động vốn để thanh toán đúng thời hạn. Trong năm không phát sinh công nợ phải trả quá hạn. Công ty được các tổ chức tài chính đánh giá xếp hạng tín dụng doanh nghiệp ở mức cao.

## **3. Kế hoạch phát triển năm 2026**

Năm 2026 dự báo nền kinh tế thế giới vẫn gặp rất nhiều khó khăn, với sự đoàn kết quyết tâm, Công ty đặt mục tiêu kế hoạch với các chỉ tiêu chính sau:

|                         |                                     |
|-------------------------|-------------------------------------|
| - Tổng doanh thu:       | 1.3765,61 tỷ đồng;                  |
| - Nộp ngân sách:        | 206,793 tỷ đồng (theo quy định NN); |
| - Lợi nhuận trước thuế: | Dự kiến đạt 132,188 tỷ đồng;        |
| - Sửa chữa lớn:         | 44,982 tỷ đồng;                     |
| - Tổng Quỹ tiền lương:  | 255,0 tỷ đồng;                      |
| - Lao động kế hoạch:    | 1.348 người.                        |





- Giá trị ĐTXDCB: 78,75 tỷ đồng

**\* Sản phẩm sản xuất và tiêu thụ chủ yếu**

| TT | Tên sản phẩm              | Đơn vị | Sản xuất | Tiêu thụ |
|----|---------------------------|--------|----------|----------|
| 1  | Kẽm thỏi                  | tấn    | 11.900   | 11.900   |
| 2  | Axit sunfuric             | tấn    | 17.800   | 15.775   |
| 3  | Tinh quặng chì sunfua 50% | tấn    | 3.440    | 3.440    |
| 4  | Tinh quặng chì oxit 20%   | tấn    | 2.500    | 2.500    |
| 5  | Thiếc thỏi                | tấn    | 59       | 59       |
| 6  | Tinh quặng đồng           | tấn    | 765      | 765      |
| 7  | Tinh quặng bạc            | tấn    | 1.500    | 1.500    |

**4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)**

Không có

**5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:**

**5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):**

Nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thường xuyên kiểm tra, phúc tra công tác ATLĐ môi trường tại các đơn vị trong công ty để kiểm soát các nguy cơ rủi ro. Thực hành tiết kiệm điện, nước, năng lượng.

**5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động. Đảm bảo được công việc, tiền lương, chế độ chính sách và chế độ đãi ngộ khác cho người lao động. Ban hành bổ sung các quy chế, quy định liên quan đến người lao động theo đúng quy định của pháp luật và điều kiện SXKD thực tế của Công ty.

**5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

Công ty thực hiện và chấp hành đúng quy định của địa phương về các vấn đề hỗ trợ cộng đồng căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

**IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty**

**1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty**

Trong năm Công ty đã cơ bản hoàn thành một số chỉ tiêu ĐHCĐ đã đề ra đảm bảo việc làm cho người lao động. Công ty có lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước tại Công ty.



## **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

- Các thành viên trong Ban Giám đốc công ty đều có trình độ, năng lực và phẩm chất được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều kinh nghiệm trong quản lý và điều hành.

- Ban Giám đốc đã điều hành triển khai hoạt động SXKD phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ Doanh nghiệp, quy định của Pháp luật.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Hoàn thành kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2026.

- Chỉ đạo Ban Giám đốc đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, lập đề án thăm dò khu mỏ Đầm Vạn; đề án nâng cấp trữ lượng mỏ Chợ Điền, thực hiện tốt công tác bảo vệ ranh giới mỏ.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành Công ty ổn định công nghệ tại các đơn vị sản xuất, đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ sản xuất để huy động tối đa thiết bị hoạt động.

- Đẩy mạnh công tác cơ giới hóa, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhất là trong khai thác hầm lò; Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý kỹ thuật, điều hành, quản trị nội bộ, trong hạch toán và lập báo cáo, dự toán sản xuất.

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thực tế của Công ty trên cơ sở cập nhật những văn bản, quy định mới của NN để áp dụng tại Công ty.

- Tiếp tục thực hiện công tác chuyển đổi số để phù hợp với thực tế sản xuất của đơn vị.

- Tiếp tục những giải pháp để nâng cao năng suất lao động và nâng cao mức thu nhập cho người lao động của Công ty.

## **V. Quản trị công ty**

### **1. Hội đồng quản trị**

#### **1.1 Ông Lý Xuân Tuyên – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Năm sinh: 1980

- Trình độ: Thạc sỹ tuyển khoáng

- Quá trình công tác: Làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2005; Từ tháng 07/2009 đến tháng 05/2010 giữ chức vụ Quản đốc PX Tuyển khoáng kiêm Phó chủ tịch Công đoàn Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico; Tháng 8/2013 đến 11/2019: Giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Mỏ





tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai – Vimico. Từ ngày 05/11/2019 đến nay giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản; Ngày 27/4/2023 giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng từ ngày 26/4/2022.

- Sở hữu đại diện Tổng công ty Khoáng sản -TKV: 3.780.000 cổ phần.

## **1.2 Ông Trần Văn Long – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty**

- Nêu tại 2.1.1 mục Danh sách Ban điều hành (Trang 8- Báo cáo)

## **1.3. Ông Trần Minh Tuấn - Thành viên HĐQT**

- Năm sinh: 1973

- Trình độ: Thạc sỹ QTKD; Cử nhân kế toán-kiểm toán.

- Quá trình công tác: Ông Trần Minh Tuấn đảm nhiệm qua các vị trí: Trợ lý kiểm toán viên, kiểm toán viên tại công ty kiểm toán VACO (từ 3/2001-6/2007); Chuyên viên văn phòng, Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng đầu tư DV tài chính và NCPT; Trưởng phòng KHTH; Trưởng phòng QLRR kiêm thành viên HĐQT tại Công ty tài chính Than- Khoáng sản Việt Nam (từ 7/2007-4/2014); Phó Trưởng phòng TCKT, Trưởng phòng QLV, thanh tra - kiểm toán nội bộ tại Tổng công ty Khoáng sản - TKV (từ tháng 5/2014 đến nay); Từ tháng 11/2018 giữ chức vụ thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

- Sở hữu đại diện Tổng công ty Khoáng sản -TKV: 2.700.000 cổ phần

## **2.1.4. Ông Phạm Thế Vinh – Thành viên HĐQT**

- Năm sinh: 1964

- Trình độ: Cơ khí

- Quá trình công tác: Ông Phạm Thế Vinh đã đảm nhiệm các chức vụ: Công nhân cơ khí nhà máy cơ khí 19/3 Hà Nội, Công nhân lao động tại Tiệp Khắc, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Lương Gia (từ năm 2012 đến nay); Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico (từ tháng 7/2014 đến nay).

- Sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần Lương Gia: 3.148.900 cổ phần

## **2.1.5. Ông Phạm Vũ Hải – Thành viên HĐQT**

- Năm sinh: 1995

- Trình độ: Cử nhân ngành tài chính, ngân hàng.



- Quá trình công tác: Từ 2013-2020 học và làm việc tại Hà Nội. Từ 2020 đến nay làm việc tại Công ty Cổ phần Lương Gia. Ngày 26/4/2023 là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

- Sở hữu: 0 cổ phần

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên HĐQT phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra những Quyết định, Nghị quyết theo từng lĩnh vực được phân công.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2025, HĐQT tổ chức 21 kỳ họp bằng hình thức thảo luận trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản; tổ chức 02 kỳ ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 25/4/2025 và 01 kỳ ĐHĐCĐ bất thường vào ngày 28/8/2025. Tại các phiên họp của HĐQT, các thành viên đều tham gia và trao đổi thẳng thắn cùng nhau bàn bạc để đưa ra các Nghị quyết, quyết định phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động SXKD của Công ty, đúng với quy định của Pháp luật.

Chỉ đạo và triển khai có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về: Công tác cán bộ, kế hoạch sản xuất, quản trị chi phí, kinh doanh, đầu tư xây dựng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Ngoài các phiên họp các thành viên hội đồng quản trị còn thường xuyên có các cuộc trao đổi điện thoại, mail với Giám đốc công ty để triển khai các nghị quyết, quyết định đã ban hành.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp: Không

e) Trong năm các thành viên HĐQT đều tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty theo quy định.

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

| TT | Thành viên BKS    | Năm sinh | Chức vụ    | Trình độ        | Ngày bắt đầu/ là TV BKS |
|----|-------------------|----------|------------|-----------------|-------------------------|
| 1  | Nguyễn Đình Chiến | 1985     | Trưởng Ban | Cử nhân kinh tế | 01/7/2014               |
| 2  | Lê Văn Lưỡng      | 1972     | Thành viên | Kỹ sư QTKD      | 27/4/2021               |
| 3  | Ngô Thị Nhâm      | 1978     | Thành viên | Cử nhân kinh tế | 11/5/2016               |
| 4  | Đào Thị Khuê      | 1966     | Thành viên | Cử nhân kinh tế | 11/5/2016               |





| TT | Thành viên BKS   | Năm sinh | Chức vụ    | Trình độ    | Ngày bắt đầu/<br>là TV BKS |
|----|------------------|----------|------------|-------------|----------------------------|
| 5  | Vũ Thị Thanh Hảo | 1983     | Thành viên | Kỹ sư KT mở | 26/4/2023                  |

Các thành viên BKS không nắm giữ cổ phần của Công ty

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm đã tổ chức 12 cuộc họp triển khai nhiệm vụ quyền hạn:

- Giám sát kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động kinh doanh theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025 đã đề ra.

- Kiểm tra giám sát việc ban hành các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành, các cán bộ quản lý.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và phát biểu các ý kiến đóng góp cho các cuộc họp tham dự.

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2025 đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty. Các cuộc họp của Ban kiểm soát đều có thành viên BKS tham gia đảm bảo theo quy định. Trong quá trình tham gia kiểm tra, giám sát BKS đã đóng góp ý kiến cho Bộ máy điều hành của Công ty nhằm giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

a) Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích

Các thành viên HĐQT và BKS của công ty hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm do vậy Công ty áp dụng chế độ thù lao công việc, thưởng trên cơ sở kết quả hoạt động SXKD năm tài chính. Lương của Ban điều hành Công ty áp dụng theo đúng quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương, quỹ lương và các chế độ khác của Công ty như sau:

| TT | Họ và tên      | Chức vụ         | Tổng số tiền (VNĐ) | Ghi chú |
|----|----------------|-----------------|--------------------|---------|
| 1  | Lý Xuân Tuyên  | Chủ tịch HĐQT   | 327.525.169        |         |
| 2  | Trần Văn Long  | Thành viên HĐQT | 110.400.000        |         |
| 3  | Trần Minh Tuấn | Thành viên HĐQT | 267.756.150        |         |



| TT | Họ và tên            | Chức vụ           | Tổng số tiền (VNĐ) | Ghi chú            |
|----|----------------------|-------------------|--------------------|--------------------|
| 4  | Phạm Thế Vinh        | Thành viên HĐQT   | 290.436.150        |                    |
| 5  | Phạm Vũ Hải          | Thành viên HĐQT   | 265.596.150        |                    |
| 6  | Nguyễn Đình Chiến    | TB kiểm soát      | 268.296.150        |                    |
| 7  | Đào Thị Khuê         | TV BKS            | 222.182.250        |                    |
| 8  | Lê Văn Lưỡng         | TV BKS            | 222.182.250        |                    |
| 9  | Ngô Thị Nhâm         | TV BKS            | 222.182.250        |                    |
| 10 | Vũ Thị Thanh Hảo     | TV BKS            | 222.182.250        |                    |
| 11 | Trần Văn Long        | TV HĐQT, Giám đốc | 969.410.634        |                    |
| 12 | Nguyễn Văn Hậu       | Phó Giám đốc      | 724.393.761        |                    |
| 13 | Bùi Huy Tuấn         | Phó Giám đốc      | 692.391.521        |                    |
| 14 | Tạ Văn Bình          | Phó Giám đốc      | 246.609.519        | Bổ nhiệm 20/8/2025 |
| 15 | Nguyễn T. Xuân Hường | Kế toán trưởng    | 540.909.417        |                    |

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

| TT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ                   | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|----|---------------------------|--|---------------------------|-------|----------------------------|-------|--|
|    |                           |  | Số CP                     | Tỷ lệ | Số CP                      | Tỷ lệ |  |
| 1  | Trần Thị Thu Hà           | Vợ của ông Phạm Thế Vinh – TV HĐQT Công ty | 164.400                   | 0,91  | 453.500                    | 2,519 | Mua cổ phần  |

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không





2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

| TT | Tên tổ chức/cá nhân                                 | Mối quan hệ liên quan đến công ty                                 | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ                            | Thời điểm giao dịch với công ty | Số NQ/QĐ của HĐQT/ĐHĐCĐ          | Nội dung, số lượng, tổng giá trị GD   | Ghi chú |
|----|---|---|--------------------------------|--|---------------------------------|----------------------------------|---|---------|
| 1  | Tổng Công ty Khoáng sản – TKV (Mã chứng khoán: KSV) | Cổ đông nắm giữ 51% VDL công ty Cổ phần KLM Thái Nguyên - Vimico  |                                | Số 193 Nguyễn Huy Tường, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội              | Tháng 1/2025                    | NQ số 11/NQ-HĐQT ngày 23/01/2025 | -Tên hàng: Sunfat đồng.<br>- Số lượng: 60 tấn ( $\pm 20\%$ )<br>- Tổng giá trị hợp đồng có giá trị dưới $<1\%$ tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.      |         |
| 2  | Công ty cổ phần đất hiếm Lai Châu                   | TCTy khoáng sản nắm giữ 51% VDL Công ty Cổ phần đất hiếm Lai Châu |                                | Bản Thác Cạn, thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu | Tháng 1/2025                    | NQ số 10/NQ-HĐQT ngày 23/01/2025 | - Tên hàng: Than cám 4a.1<br>- Số lượng: 1.400 tấn ( $\pm 10\%$ )<br>- Tổng giá trị hợp đồng có giá trị dưới $<1\%$ tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. |         |

d) Công ty vẫn chưa ban hành được Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, do Đại hội đồng cổ đông chưa thông qua.

## VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC Việt Nam soát xét số A0625095/MOORE AISCHN-TC ngày 10/3/2026 và được đăng tải đầy đủ chi tiết tại địa chỉ website: [www.kimloaimau.com.vn](http://www.kimloaimau.com.vn).



Trên đây là báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

Trân trọng!

Nơi nhận: *Amico*

- UBCKNN, HNX, VSDC (để: B/c);
- HĐQT, Ban kiểm soát (để: B/c);
- Website công ty;
- Lưu: VP, Thư ký Công ty.

**GIÁM ĐỐC**



**Trần Văn Long**